

Phụ lục

(Ban hành kèm theo quyết định số 42/2006/QĐ-BBCVT ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Phụ lục 2, 3 ban hành kèm theo Quyết định số 192/ 2003/QĐ-BBCVT ngày 22/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông phê duyệt quy hoạch phân bổ kênh tần số cho truyền hình tương tự mặt đất băng tần VHF/UHF đến năm 2010)

1. Các nội dung điều chỉnh trong Phụ lục 2.

Sửa đổi hàng thứ 15 và bổ sung các hàng thứ 62, 63 vào bảng “Các vị trí phát sóng” của Phụ lục 2:

STT	Tỉnh	Tên vị trí phát	Kinh độ	Vĩ độ	Độ cao (m)	Độ cao anten (m)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15.	TP. Hà nội	Đài PTTH Hà nội	105E4652	20N5953		180
62.	ĐăkNông	Gia Nghĩa	107E4145	12N5955		100
63.	Hậu Giang	T.Trần Vị Thanh	107E2759	09N4645		100

2. Các nội dung điều chỉnh trong Phụ lục 3.

- 2.1 Xóa các phân bổ kênh tần số có các ghi chú ⁽⁷⁾, ⁽⁸⁾ trong cột 10 của “Bảng phân bổ kênh tần số cho các điểm phát sóng” và các ghi chú ⁽⁷⁾, ⁽⁸⁾.
- 2.2 Sửa đổi tên các cột 10 và 11 của “Bảng phân bổ kênh tần số cho các điểm phát sóng” :

S T T	TÊN TỈNH	Tên vị trí phát	Chương trình				
			VTV1	VTV2	VTV3	Khu vực	Địa phương

			Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

2.3 Sửa đổi các hàng số 4, 19, 20, 21, 53, 57 của “Bảng phân bổ kênh tần số cho các điểm phát sóng”

S T T	TÊN TỈNH	Tên vị trí phát	Chương trình									
			VTV1		VTV2		VTV3		Khu vực		Địa phương	
			Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)	Kênh tần số	Công suất (kW)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

4	Lai Châu	TX Lai Châu	6	2	8	2	12	2			10	2
---	----------	-------------	---	---	---	---	----	---	--	--	----	---

19	Hải Dương	TP Hải Dương									40	5
20	TP Hải Phòng	TP Hải Phòng	10	10	44	30	46	30			28	20

21	Quảng Ninh	TP Hạ Long	33	10	36	10	31	10			12	5
		TX Móng Cái	6	5	23	10	25	10			21	10

53	An Giang	Núi Cấm	24	5	53	10	41	10				
		TP Long Xuyên									36 ⁽¹⁾	10

57	Cần Thơ	Cần Thơ	46	30	12	10	49	30	51 6	30 10	43	10
----	---------	---------	----	----	----	----	----	----	---------	----------	----	----

2.4 Bổ sung các hàng thứ 62 và 63 vào “Bảng phân bổ kênh tần số cho các điểm phát sóng” :

62	Đăk Nông	Gia Nghĩa	21	5	24	5	27	5			34	5
63	Hậu Giang	T. trấn Vị Thanh									56	10